

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-8-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Xuân

2. Bà Huỳnh Thị Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, về việc “ Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T - sinh năm 1940

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã X (nay là thị trấn D), huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Hồ Thị V - sinh năm: 1951

Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Tổ 4, ấp T, xã X (nay là thị trấn D), huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có mặt, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà V quen biết tìm hiểu và vợ chồng đi đến UBND xã X, huyện Thống Nhất đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2004. Đây là hôn nhân lần hai của ông, người vợ đầu tiên của ông đã chết.

Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do không thống nhất được nơi chung sống với nhau, cuối năm 2014 thì bà V về tỉnh Khánh Hòa và nói là về nhà của đứa con gái để giúp con gái trông nom cháu nhỏ. Sau khi bà V đi được khoảng một năm thì ông không thấy bà V trở về địa phương, ông T có về Khánh Hòa gặp con gái riêng của bà V (tên Tr) thì chị Tr nói với ông là bà V có về một lần và sau đó bà V đi đâu thì chị Tr cũng như người nhà của bà V ở Khánh Hòa cũng không biết. Ông T đã tìm bà V ở nhiều nơi nhưng không tìm thấy. Ông đã đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cũng không có kết quả và đã được Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ra Quyết định tuyên bố bà Hồ Thị V mất tích theo Quyết định số: 70/2018/QĐDS-ST ngày 19/9/2018. Nay nhận thấy bản thân không còn tình cảm với bà Hồ Thị V nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Hồ Thị V:

Đã bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 70/2018/QĐDS-ST ngày 19/9/2018.

Trong quá trình giải quyết, bà V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bà V vẫn không đến Tòa án làm việc, không có tin tức gì và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn đã bị tuyên bố mất tích.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung không có. Về tài sản không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Ông Nguyễn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết việc ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt

tích tại: Tổ 4, ấp T, xã X (nay là thị trấn D), huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T thì thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà V trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về điều kiện kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà V nhận thấy: Trong thời gian sống chung giữa ông T và bà V không được hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2016, bà V bỏ nhà đi biệt tích, ông và gia đình không rõ bà V đi đâu làm gì và đã bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 70/2018/QĐDS-ST ngày 19/9/2018. Nay nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét cần chấp nhận yêu cầu của ông T cho ly hôn với bà V là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết .

5. Về án phí: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/7/2019, ông T có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí vì là người cao tuổi. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn T và bà Hồ Thị V.

2. Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001808 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- UBND thị trấn D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Ngọc Thành